

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 4 - 2024
V/v: ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hoàng Thám

Ông Châu Hoàng Huy

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Anh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2024/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024 về ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phạm Kim T**, sinh năm 1984.

Địa chỉ cư trú: **Áp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau** (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Nguyễn Hoàng E**, sinh năm 1978.

Địa chỉ cư trú: **Áp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau** (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*- Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/02/2024 bà **Phạm Kim T** trình bày:*

Về hôn nhân: Bà **T** và ông **Hoàng E** tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau** vào năm 2002. Thời gian gần đây cuộc sống vợ chồng không vui vẻ, không hòa hợp nhau nên đã ly thân, bà **T** xét thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu được ly hôn với ông **Hoàng E**.

Về con chung: Có 02 con chung tên **Nguyễn Trúc N**, sinh ngày 13/02/2003, đã trưởng thành và **Nguyễn Hồng Đ**, sinh ngày 24/5/2006, cháu **Đ** có nguyện vọng được mẹ nuôi dưỡng, bà **T** đồng ý nuôi dưỡng cháu **Đ**, bà **T** không yêu cầu ông

Hoàng E cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông **Nguyễn Hoàng E** đúng theo quy định pháp luật nhưng ông **Hoàng E** không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của bà **T** và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp ly hôn, theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bà **Phạm Kim T** có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; ông **Nguyễn Hoàng E** được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, xét xử vắng mặt bà **T** và ông **Hoàng E** theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà **Phạm Kim T** và ông **Nguyễn Hoàng E** tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa bà **T** với ông **Hoàng E** là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà **T** với ông **Hoàng E** đã phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên không còn chung sống với nhau, bà **T** yêu cầu được ly hôn với ông **Hoàng E**. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập nhiều lần nhưng ông **Hoàng E** vắng mặt không lý do, ông **H** cũng không có ý kiến về việc bà **T** yêu cầu ly hôn. Từ đó, cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà **T** với ông **Hoàng E** đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà **T** và ông **Hoàng E** ly hôn.

[4] Về con chung: Cháu **Nguyễn Hồng Đ**, có nguyện vọng được bà **T** nuôi dưỡng nên ghi nhận nguyện vọng của cháu; bà **T** cũng thống nhất với nguyện vọng của cháu **Đ**; ông **Hoàng E** cũng không có ý kiến gì. Do đó, giao cháu **Đ** cho bà **T** nuôi dưỡng là đảm bảo cho cháu có điều kiện phát triển bình thường, ổn định về tâm lý, tình cảm. Ông **Hoàng E** có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu **Đ** không ai được cản trở.

[5] Về nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung; về nợ chung: không xem xét.

[6] Về án phí:

Bà **Phạm Kim T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, bà **T** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000620 ngày 19/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyên thu, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà **Phạm Kim T** với ông **Nguyễn Hoàng E**.
- Về con chung: Giao cháu **Nguyễn Hồng Đ**, sinh ngày 24/5/2006 cho bà **Phạm Kim T** nuôi dưỡng. Ông **Nguyễn Hoàng E** có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu **Đ** không ai được cản trở.
- Về nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung; về nợ chung: Không xem xét.
- Về án phí: Bà **Phạm Kim T** phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà **T** đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006220 ngày 19/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyên thu.

Bà **Phạm Kim T** và ông **Nguyễn Hoàng E** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- UBND xã Khánh An, huyện U Minh;
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dư Thanh Nguyễn